

THƯ MỜI QUAN TÂM

**Về việc lựa chọn các đơn vị cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn thiết bị do
Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm làm chủ đầu tư**

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn thiết bị tại Việt Nam.

Thực hiện quy trình đối với việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn thiết bị năm 2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Hưng Yên; Trung tâm có nhu cầu tìm các đơn vị có chức năng, năng lực và kinh nghiệm thực hiện cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn (theo phụ lục I đính kèm).

Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Hưng Yên trân trọng mời các đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm theo quy định, quan tâm gửi Hồ sơ năng lực, bản báo giá về Trung tâm (qua hệ thống bưu điện) theo địa chỉ: Phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Hưng Yên (Địa chỉ: Số 454 đường Nguyễn Văn Linh, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên).

*** Hồ sơ năng lực gồm:**

- Hồ sơ pháp lý của đơn vị;
- Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của đơn vị.

*** Yêu cầu cụ thể về báo giá như sau:**

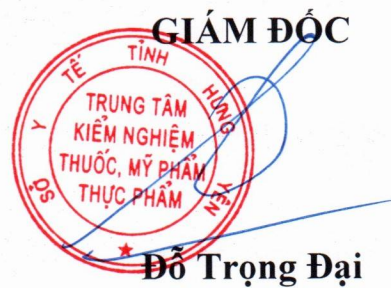
- Báo giá theo mẫu tại Phụ lục II đính kèm.
- Giá trong báo giá là tiền Đồng Việt Nam (VNĐ), là giá đã bao gồm tất cả chi phí đi lại, thuế giá trị gia tăng (VAT) và các chi phí liên quan khác (nếu có);
- Báo giá phải mô tả rõ dịch vụ hiệu chuẩn của từng mục;
- Hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá;
- Báo giá phải có dấu và chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định.

Thời gian nhận Hồ sơ: Trong giờ hành chính từ thời điểm phát hành Thư mời đến trước 17h00 ngày 13/10/2025 (thứ 2). Các hồ sơ tiếp nhận sau thời gian nêu trên không được xem xét.

Thông tin chi tiết liên hệ: Phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hưng Yên, (Ms. Phụng) điện thoại: 0985.798.777

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KHTH (đăng tải Website);
- Lưu: HSĐT.



DANH MỤC THIẾT TRÙ THIẾT BỊ HIỆU CHUẨN CƠ SỞ 2

(Kèm Thư mời số : 148 /TM-TTKN ngày 03 /10/2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Hưng Yên)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1.	Máy HPLC 1260 Infinity II		1	Kiểm tra bên ngoài, kiểm tra kỹ thuật, kiểm tra đo lường (Đèn, tốc độ dòng, nhiệt độ buồng cột, độ đúng của thể tích, độ lặp lại của hệ thống, độ lặp lại, độ đúng của thể tích tiêm; độ tuyến tính, độ đúng của bước sóng ...	
2.	Quang phổ hấp thụ nguyên tử		1	Kiểm tra bên ngoài, kiểm tra kỹ thuật, kiểm tra đo lường (Độ thu hồi, độ lặp lại, sai số hệ thống, phương trình hồi quy tuyến tính, hệ số tương quan)	
3.	Cân phân tích		1	Kiểm tra bên ngoài, kiểm tra kỹ thuật, kiểm tra đo lường (Độ nhạy, độ chính xác mức cân, độ lặp lại,, độ lệch góc,...	
4.	Máy chuẩn độ điện thế		1	Kiểm tra bên ngoài, kiểm tra kỹ thuật, kiểm tra đo lường (Độ thu hồi, độ lặp lại, sai số hệ thống, phương trình hồi quy tuyến tính, hệ số tương quan)	
5.	Nhiệt, ẩm kế điện tử		1	Kiểm tra bên ngoài, kiểm tra kỹ thuật, kiểm tra đo lường (Nhiệt độ tại 20; 25, 30 độ C; Độ ẩm ở 40, 50,60, 75%)	
6.	Nhiệt, ẩm kế điện tử		1	Kiểm tra bên ngoài, kiểm tra kỹ thuật, kiểm tra đo lường (Nhiệt độ tại 20; 25, 30 độ C; Độ ẩm ở 40, 50,60, 75%)	
7.	Tủ sấy Memment		1	Kiểm tra bên ngoài, kiểm tra kỹ thuật, kiểm tra đo lường	

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
				(Độ đồng đều nhiệt độ, độ ổn định nhiệt độ 85 , 105 độ)	
8.	Máy thử độ hòa tan		1	Kiểm tra bên ngoài, kiểm tra kỹ thuật, kiểm tra đo lường (tốc độ quay, đồng hồ thiết bị, nhiệt độ môi trường- trong cốc thử, đánh giá hiệu năng)	
9.	Nhiệt kế thủy tinh		1	Kiểm tra bên ngoài, kiểm tra kỹ thuật, kiểm tra đo lường tại các điểm nhiệt độ 5, 37, 80 độ C	
10.	Máy thử độ rã		1	Kiểm tra bên ngoài, kiểm tra kỹ thuật, kiểm tra đo lường (Tần số giao động của giỏ, đồng hồ của thiết bị, Nhiệt độ môi trường trong bể điều nhiệt, biên độ giao động của giỏ)	
11.	Cân kỹ thuật		1	Kiểm tra bên ngoài, kiểm tra kỹ thuật, kiểm tra đo lường (Độ nhạy, độ chính xác mức cân, độ lặp lại,, độ lệch góc,...	
12.	Máy AAS		1	Kiểm tra bộ nhiều đường nền - Kỹ thuật nguyên tử hóa mẫu ngọn lửa: + Kiểm tra độ đúng bước sóng + Kiểm tra độ lặp lại + Kiểm tra nồng độ đặc tính + Kiểm tra độ tuyến tính - Kỹ thuật nguyên tử hóa bằng lò Graphit + Kiểm tra độ đúng bước sóng + Kiểm tra độ lặp lại + Kiểm tra nồng độ đặc tính + Kiểm tra độ tuyến tính	
13.	Cân OHAUS (VS/CKT/01)		1	Kiểm tra độ nhạy, độ chính xác các mức cân, độ lặp lại,	

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
				độ lệch góc, độ không đảm bảo đo	
14.	Cân OHAUS (VS/CKT/02)		1	Kiểm tra độ nhạy, độ chính xác các mức cân, độ lặp lại, độ lệch góc, độ không đảm bảo đo	
15.	Cân phân tích Sartorius (VS/CPT/01)		1	Kiểm tra độ nhạy, độ chính xác các mức cân, độ lặp lại, độ lệch góc, độ không đảm bảo đo	
16.	Tủ ấm Heraeus (VS/TA/01)		1	Hiệu chuẩn nhiệt độ (23 ⁰ C; 33 ⁰ C)	
17.	Tủ mát FTC 90E (VS/TM/01)		1	Hiệu chuẩn nhiệt độ (23 ⁰ C; 33 ⁰ C)	
18.	Tủ mát FTC 90E (VS/TM/02)		1	Hiệu chuẩn nhiệt độ (23 ⁰ C; 33 ⁰ C)	
19.	Nồi hấp Hirayama (VS/NH/01)		1	- Kiểm tra bên ngoài - Kiểm tra kỹ thuật - Kiểm tra các thông số: Đánh giá sự phân bố nhiệt Đánh giá sự thâm nhập nhiệt trong nồi hấp và Đánh giá vi sinh.	
20.	Nồi hấp NOVE NC150 (VS/NH/02)		1	- Kiểm tra bên ngoài - Kiểm tra kỹ thuật - Kiểm tra các thông số: Đánh giá sự phân bố nhiệt Đánh giá sự thâm nhập nhiệt trong nồi hấp và Đánh giá vi sinh.	
21.	Nồi hấp NOVE NC150 (VS/NH/03)		1	- Kiểm tra bên ngoài - Kiểm tra kỹ thuật - Kiểm tra các thông số: Đánh giá sự phân bố nhiệt Đánh giá sự thâm nhập nhiệt trong nồi hấp và Đánh giá vi sinh.	
22.	Máy đo pH (VS/PH/01)		1	Kiểm tra các thông số	



STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
23.	Nhiệt ẩm kế Isolab (VS/NAK/01)		1	Kiểm tra bên ngoài, kiểm tra kỹ thuật, kiểm tra đo lường (Nhiệt độ tại 20; 25, 30 độ C; Độ ẩm ở 40, 50, 60, 75%)	
24.	Nhiệt kế thủy tinh (VS/NK/01)		1	Hiệu chuẩn nhiệt độ	
25.	Tủ sấy Memmert UF 55 (VS/TS/01)		1	Hiệu chuẩn nhiệt độ	
26.	Tủ sấy Memmert UNB400 (VS/TS/02)		1	Nhiệt độ 85°C và 105°C	
27.	Tủ an toàn sinh học S@Safemade 1.2 (VS/TSH/02)		1	- Thử nghiệm cường độ ánh sáng và độ ồn - Thử nghiệm Tốc độ gió - Thử nghiệm Chênh lệch áp suất HEPA - Thử nghiệm Tính toàn vẹn của HEPA - Kiểm tra hướng của dòng khí - Kiểm tra tiểu phân	
28.	Tủ cấy vô trùng MICROFLOW (VS/TSH/01)		1	- Thử nghiệm Cường độ ánh sáng và độ ồn - Thử nghiệm Tốc độ gió - Thử nghiệm Chênh lệch áp suất HEPA - Thử nghiệm Tính toàn vẹn của HEPA - Kiểm tra hướng của dòng khí - Kiểm tra tiểu phân - Kiểm tra vi sinh vật	
29.	Hệ thống phòng sạch		1	- Kiểm tra các vị trí màng lọc HEPA có đường ống "Upstream" và "Downstream" - Thử nghiệm Cường độ ánh sáng và độ ồn - Thử nghiệm Số lần trao đổi khí - Thử nghiệm Tốc độ gió - Thử nghiệm Chênh lệch áp	

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
				suất HEPA - Thử nghiệm Tính toàn vẹn của HEPA - Kiểm tra hướng của dòng khí - Kiểm tra tiêu phân - Kiểm tra vi sinh vật - Các thông số cần hiệu chuẩn: Nhiệt độ, độ ẩm	
30.	Tủ lạnh Toshiba (VS/TL/01)		1	Hiệu chuẩn 1 điểm trong khoảng 2-8 độ	
31.	Áp kế (29 cái)		29	Hiệu chuẩn ở các dải 60Pa, 500 Pa, 700Pa	
32.	Máy đo vòng vô khuẩn		1	Hiệu chuẩn kích thước	
33.	Bồn ủ nhiệt		1	- Nhiệt độ: 37°C - Thời gian: 1 h	
34.	Máy sắc ký lỏng Technologies 1260		1	Kiểm tra, hiệu chuẩn tốc độ dòng, nhiệt độ, độ đúng, độ lặp lại, độ tuyến tính, khả năng nhiễm chéo	
35.	Máy sắc ký lỏng 1100		1	Kiểm tra, hiệu chuẩn tốc độ dòng, nhiệt độ, độ đúng, độ lặp lại, độ tuyến tính, khả năng nhiễm chéo	
36.	Máy thử độ hòa tan Agilent 708-DS		1	Kiểm tra tốc độ quay, kiểm tra đồng hồ, kiểm tra nhiệt độ môi trường trong cốc thử, đánh giá hiệu năng, độ không đảm bảo đo	
37.	Máy quang phổ EMC-61PCS-UV		1	+ Kiểm tra độ phẳng đường nền, cốc đo, kiểm tra bước sóng, độ phân giải, kiểm tra giới hạn ánh sáng lạc, kiểm tra vùng UV – VIS + Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ, độ đồng đều nhiệt độ	
38.	Máy thử độ rã Agilent 100		1	Kiểm tra, hiệu chuẩn tần số dao động của rô, đồng hồ của	

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
				thiết bị, nhiệt độ môi trường trong bể điều nhiệt, biên độ dao động. Thời gian rửa: 15, 30, 60 phút	
39.	Cân phân tích Mettler Toledo AB204		1	Kiểm tra độ nhạy, độ chính xác các mức cân, độ lặp lại, độ lệch góc.	
40.	Cân kỹ thuật GX603A		1	Kiểm tra độ nhạy, độ chính xác các mức cân, độ lặp lại, độ lệch góc.	
41.	Máy đo pH Mettler Toledo		1	Kiểm tra độ đúng của máy; kiểm tra độ trôi của máy;	
42.	Máy phân cực kế Kruss		1	Kiểm tra độ tuyến tính, độ đúng, nhiệt độ, độ không đảm bảo đo	
43.	Máy phân cực kế AP300		1	Kiểm tra độ tuyến tính, độ đúng, nhiệt độ, độ không đảm bảo đo	
44.	Máy Karl fischer Metrohm		1	Kiểm tra hệ số T trung bình, độ lặp lại của hệ thống, sai số hệ thống, độ thu hồi, độ lặp lại, hệ số tương quan tuyến tính, độ không đảm bảo đo	
45.	Tủ sấy Memmert UM400		1	Hiệu chuẩn tại nhiệt độ 85 và 105°C	
46.	Nhiệt ẩm kế ISOLAB		1	Hiệu chuẩn giá trị nhiệt độ: 20; 25; 30°C Hiệu chuẩn giá trị độ ẩm: 40; 50; 60; 75%	
47.	Nhiệt ẩm kế ISOLAB		1	Hiệu chuẩn giá trị nhiệt độ: 20; 25; 30°C Hiệu chuẩn giá trị độ ẩm: 40; 50; 60; 75%	
48.	Nhiệt kế đầu dò		1	Hiệu chuẩn giá trị nhiệt độ: 23; 33; 85 và 105°C	
49.	Nhiệt kế thủy ngân		1	Hiệu chuẩn nhiệt độ tại 370C	
50.	Máy đo độ dẫn điện		1	Hiệu chuẩn độ dẫn điện	
51.	Quả cân chuẩn 200g		1	Kiểm tra khối lượng danh định	

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
				Độ lệch, độ không đảm bảo đo, sai số lớn nhất cho phép E2	
52.	Máy đếm tiểu phân		1	Kiểm tra độ chính xác của khối lượng mẫu, Độ chính xác tốc độ dòng mẫu, Độ phân giải cảm biến, Đo độ nhảy hạt, kích thước hạt: 5,10, 15, 20, 25, 30 mm	



DANH MỤC THIẾT BỊ HIỆU CHUẨN NĂM 2025 (CƠ SỞ 1)

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung kiểm tra/hiệu chuẩn	Ghi chú
1	Nhiệt kế		2	Hiệu chuẩn nhiệt độ trong dải đo	
2	Nhiệt ẩm kế		5	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (15; 25; 35)°C; Độ ẩm hiệu chuẩn: (30; 55; 80) %RH	
3	Cân phân tích (Metler Toledo, ADN)		3	Hiệu chuẩn toàn dải cân kỹ thuật. Đánh giá độ không đảm bảo đo.	
4	Máy đo pH		1	Độ đúng của thang đo nhiệt độ, độ đúng của thang đo pH, độ trôi của máy, độ lặp lại, độ không đảm bảo đo.	
5.1	Quang phổ tử ngoại khả kiến UV-VIS		1	- Vệ sinh toàn bộ hệ thống thiết bị. - Kiểm tra hệ thống điện cung cấp cho thiết bị, kiểm tra tiếp địa. - Bảo trì toàn bộ hệ thống theo quy trình của hãng. - Đánh giá hệ thống trước và sau bảo trì. - Thông báo cho đơn vị phụ kiện hư hỏng cần phải thay thế (nếu có) nhằm đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định	
5.2			1	Kiểm tra độ phẳng đường nền, kiểm tra cốc đo, kiểm tra độ phân giải, kiểm tra giới hạn ánh sáng lạc, kiểm tra độ chính xác của bước sóng, kiểm tra độ chính xác độ hấp thụ. Đánh giá độ không đảm bảo đo.	
6.1	Máy HPLC		1	- Vệ sinh toàn bộ hệ thống thiết bị. - Kiểm tra hệ thống điện cung cấp cho thiết bị, kiểm tra tiếp địa. - Bảo trì toàn bộ hệ thống theo quy trình của hãng. - Đánh giá hệ thống trước và sau bảo trì. - Thông báo cho đơn vị phụ kiện hư hỏng cần phải thay thế (nếu có) nhằm đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định	
6.2			1	Kiểm tra detector; kiểm tra độ đúng tốc độ dòng; kiểm tra độ chính xác nhiệt độ buồng cột (2 nhiệt độ); kiểm tra độ đúng của	

				bộ trộn dung môi; kiểm tra độ lặp lại, độ đúng, độ tuyến tính và khả năng nhiễm chéo của thể tích tiêm mẫu; kiểm tra độ lặp lại và độ tuyến tính của hệ thống; kiểm tra độ chính xác của bước sóng. Đánh giá độ không đảm bảo đo.	
7.1	Máy AAS		1	- Vệ sinh toàn bộ hệ thống thiết bị. - Kiểm tra hệ thống điện cung cấp cho thiết bị, kiểm tra tiếp địa. - Bảo trì toàn bộ hệ thống theo quy trình của hãng. - Đánh giá hệ thống trước và sau bảo trì. - Thông báo cho đơn vị phụ kiện hư hỏng cần phải thay thế (nếu có) nhằm đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định	
7.2			1	Độ chính xác bước sóng, kiểm tra độ lặp lại, kiểm tra nồng độ đặc tính, kiểm tra độ tuyến tính. Đánh giá độ không đảm bảo đo.	
8	Lò nung		1	Độ chính xác nhiệt độ, độ ổn định nhiệt độ, độ đồng đều tại 3 điểm nhiệt độ của lò nung. Đánh giá độ không đảm bảo đo.	
9	Tủ sấy		1	Độ chính xác nhiệt độ, độ ổn định nhiệt độ, độ đồng đều tại 5 điểm nhiệt độ của tủ. Đánh giá độ không đảm bảo đo	
10	Tủ lạnh		1	Độ chính xác nhiệt độ, độ ổn định nhiệt độ, độ đồng đều tại 2 điểm nhiệt độ của tủ. Đánh giá độ không đảm bảo đo	
11	Ly tâm lạnh		1	Hiệu chuẩn tối thiểu 6 điểm tốc độ vòng quay, 2 điểm nhiệt độ	
12	Máy thử độ rã		1	Hiệu chuẩn tần số dao động, biên độ giao động, thời gian rã (30 phút, 60 phút), nhiệt độ bể (37 °C)	

PHỤ LỤC H: MẪU BÁO GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Đính kèm Thư mời số: 148 /TM - TTKN ngày 03/10/2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Hưng Yên)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Hưng Yên

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn trang thiết bị như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn thiết bị

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
...						
Tổng cộng:						

2. Báo giá này có hiệu lực tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

, ngày.... tháng.... năm....
Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp^o
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

